

Tp. Thủ Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP
KIỂM TRA HỌC KỲ 1 – KHỐI 12 (BAN KHTN)
NĂM HỌC: 2022-2023

Câu 1: Pháp luật do chủ thể nào dưới đây ban hành?

- A.** Do nhà nước ban hành.
B. Do cơ quan, tổ chức ban hành.
C. Do cá nhân ban hành.
D. Do địa phương ban hành.

Câu 2: Luật Giao thông đường bộ quy định tất cả mọi người tham gia giao thông phải chấp hành chỉ dẫn của tín hiệu đèn giao thông là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính quy phạm phổ biến.
B. Tính thống nhất.
C. Tính nghiêm minh.
D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức

Câu 3: Cảnh sát giao thông xử phạt hành chính người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm. Quy định này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **B.** Tính quy phạm phổ biến.
- C.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **D.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 4: Văn bản đòi hỏi diễn đạt phải chính xác, một nghĩa để công dân hiểu và thực hiện đúng pháp luật là phản ánh đặc trưng cơ bản nào?

- A.** Tính quyền lực, bắt buộc chung .
B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 5: Trường hợp Cảnh sát giao thông xử phạt người tham gia giao thông không chấp hành qui định của pháp luật là phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

- A.** Tính quy phạm phổ biến.
B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 6: Anh S đi xe máy nhưng không mang bằng lái xe. Cảnh sát giao thông đã xử phạt anh S. Hành vi của Cảnh sát giao thông là thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.**
B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính quy phạm phổ biến.
D. Tính bắt buộc thực hiện.

Câu 7: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính quy phạm phổ biến.
B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Hiệu lực tuyệt đối.
D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 8: Người bị xử phạt hành chính do không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông là biểu hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A.** Tính quyền lực bắt buộc chung.
B. Tính quy phạm phổ biến
C. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 9: Một trong các đặc trưng của pháp luật thể hiện ở

A. tính quyền lực bắt buộc chung.

C. tính dân tộc.

B. tính nhân dân.

D. tính đại chúng.

Câu 10: Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã quyết định xử phạt việc chị K khi kinh doanh hàng mĩ phẩm không đảm bảo chất lượng. Việc làm của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính kỉ luật nghiêm minh.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 11: Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc trưng nào của pháp luật?

A. tính quy phạm phổ biến

C. tính xác định chặt chẽ về hình thức

B. tính cưỡng chế

D. tính quyền lực bắt buộc chung

Câu 12: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính công khai.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính qui phạm phổ biến.

D. Tính dân chủ.

Câu 13: Đặc trưng nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính quy phạm phổ biến.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 14: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 15: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung.

C. Tính cưỡng chế.

B. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 16: Nội dung của văn bản luật cấp dưới không được trái với nội dung của văn bản luật cấp trên là thể hiện

A. tính bắt buộc chung.

C. tính cưỡng chế.

B. quy phạm phổ biến.

D. tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 17: Khi đạo đức trở thành nội dung của quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng

A. sức ép của dư luận xã hội.

C. lương tâm của mỗi cá nhân.

B. niềm tin của mọi người trong xã hội.

D. sức mạnh quyền lực của nhà nước.

Câu 18: Nhờ có pháp luật, nhà nước mới kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhận định này muốn đề cập đến

A. vai trò của pháp luật.

C. đặc trưng của pháp luật.

B. nhiệm vụ của pháp luật.

D. chức năng của pháp luật.

Câu 19: Hiến pháp quy định “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”. Phù hợp với Hiến pháp, Luật Giáo dục khẳng định quy định chung: “Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”. Sự phù hợp của Luật giáo dục với Hiến pháp thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Quy phạm phổ biến.

C. Quyền lực, bắt buộc chung.

B. Xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

D. Quy phạm pháp luật.

Câu 20: Cơ sở sản xuất giấy X bị cán bộ môi trường lập biên bản đình chỉ hoạt động vì không áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cán bộ môi trường đã sử dụng vai trò nào dưới đây của pháp luật?

A. Phương tiện để quản lý xã hội.

B. Bảo vệ quyền, lợi ích của công dân.

C. Tổ chức và thực hiện pháp luật.

D. Thực hiện quyền, lợi ích của công dân.

Câu 21: Giám đốc Công ty A đã tuyển nhân viên mới thay thế vị trí của chị B trong thời gian chị nghỉ thai sản, sau đó chuyển chị sang công việc khác không phù hợp với chuyên môn. Chị B đã làm đơn khiếu nại gửi Ban chấp hành công đoàn và Ban giám đốc. Xét thấy đơn khiếu nại của chị B là hợp lý nên Giám đốc đã bố trí lại công việc cho chị. Vấn đề trong tình huống trên được giải quyết thỏa đáng là nhờ

A. giá trị của pháp luật.

B. ý nghĩa của pháp luật.

C. đặc trưng của pháp luật.

D. vai trò của pháp luật.

Câu 22: Công ty A chậm thanh toán đơn hàng theo đúng thời hạn hợp đồng đã thỏa thuận với công ty B và bị công ty B khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Việc Tòa án xử lý vi phạm của công ty A là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

D. Tính thực tiễn xã hội.

Câu 23: Công trình xây dựng K không tuân thủ các quy định về an toàn lao động nên đã để xảy ra vụ thanh sắt rơi, làm một người phụ nữ đang đi đường tử vong. Cơ quan Cảnh sát điều tra quận X, nơi xảy ra vụ tai nạn trên đã khởi tố hình sự đối với chủ đầu tư công trình K. Việc làm này của Cảnh sát quận X đã thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính giáo dục của pháp luật.

Câu 24: Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là

A. thực hiện pháp luật.

B. phổ biến pháp luật.

C. tư vấn pháp luật.

D. giáo dục pháp luật.

Câu 25: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. sử dụng pháp luật B. thi hành pháp luật C. tuân thủ pháp luật D. áp dụng pháp luật

Câu 26: Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. sử dụng pháp luật B. tuân thủ pháp luật C. áp dụng pháp luật D. thi hành pháp luật

Câu 27: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. sử dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 28: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật

A. khuyến khích làm. B. cho phép làm. C. quy định làm. D. bắt buộc làm.

Câu 29: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn

A. quy ước của tập thể.

B. các quyền của mình.

C. nguyên tắc của cộng đồng.

D. nội quy của nhà trường.

Câu 30: Mọi người chủ động đến cơ quan chức năng để đăng ký tạm trú, tạm vắng là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 31: Các tổ chức cá nhân **không** làm những việc mà pháp luật cấm là

A. tuân thủ pháp luật. B. áp dụng pháp luật C. sử dụng pháp luật. D. thi hành pháp luật.

Câu 31: Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh thông qua việc lựa chọn ngành, nghề, hình thức kinh doanh phù hợp với điều kiện, khả năng của mình là gì?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 32: Đến hạn nộp tiền điện mà X vẫn không nộp. Vậy X **không** thực hiện hình thức thực hiện pháp luật nào?

A. Thi hành pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 33: Thực hiện pháp luật là hành vi

A. hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

C. trái pháp luật của cá nhân, tổ chức.

B. không hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

D. hợp pháp của cá nhân trong xã hội.

Câu 34: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 35: Trường hợp bạn A đủ 16 tuổi nhưng không sử dụng xe trên 50cm³ là hình thức thực hiện nào của pháp luật?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 36: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 37: Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. áp dụng pháp luật. B. sử dụng pháp luật. C. tuân thủ pháp luật. D. thi hành pháp luật.

Câu 38: Tuân thủ pháp luật là việc các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà

A. xã hội kì vọng. B. pháp luật cấm. C. tập thể hạn chế. D. đạo đức chi phối.

Câu 39: Trường hợp nào dưới đây là hình thức áp dụng pháp luật?

A. Xử phạt hành chính trong giao thông.

C. Xử lí thông tin liên ngành.

B. Đăng kí kết hôn theo luật định.

D. Sử dụng dịch vụ truyền thông.

Câu 40: Những hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống trở thành những hành vi hợp pháp các cá nhân, tổ chức là nội dung khái niệm nào dưới đây?

A. Xây dựng pháp luật.

C. Thực hiện pháp luật.

B. Phổ biến pháp luật.

D. Ban hành pháp luật.

Câu 41: Tòa án nhân dân huyện X triệu tập A để xét xử vụ án li hôn giữa A với vợ. Vậy tòa án đang

A. thi hành pháp luật. B. tuân thủ pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

Câu 42: Công dân không làm những điều mà pháp luật cấm là

A. sử dụng pháp luật.

C. vận dụng chính sách.

B. tuân thủ pháp luật.

D. thực hiện chính sách,

Câu 43: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

A. Tuân thủ pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 44: Việc cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. giáo dục pháp luật. D. tư vấn pháp luật.

Câu 45: Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

B. Tuân thủ pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 46: Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. thi hành pháp luật. B. tuân thủ pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

Câu 47: Cá nhân, tổ chức thực hiện đúng các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. tuân thủ pháp luật. B. sử dụng pháp luật. C. thi hành pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

Câu 48: Ông D viết bài chia sẻ kinh nghiệm phòng, chống tai nạn thương tích cho người dân. Ông D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 49: Chị Q sử dụng vỉ hè để bán hàng ăn sáng là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 50: Ông A trốn thuế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình là không thực hiện hình thức thực hiện pháp luật nào?

A. Áp dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 51: Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Sử dụng pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

D. Tôn trọng pháp luật.

Câu 52: Chị M chủ động làm thủ tục sang tên khi mua lại xe ô tô đã qua sử dụng của người khác là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Áp dụng Nghị định.

C. Thi hành pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 53: Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Giáo dục pháp luật.

B. Phổ biến pháp luật.

C. Thực hiện Pháp luật.

D. Ban hành pháp luật.

Câu 54: Cá nhân tổ chức áp dụng pháp luật là các cán bộ công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra quyết định làm phát sinh chấm dứt hoặc thay đổi các

A. quyền và nghĩa vụ.

B. Trách nhiệm pháp lí.

C. ý thức công dân.

D. Nghĩa vị công dân.

Câu 55: Ông A là người có thu nhập cao, hằng năm ông A chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này, ông A đã

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 56: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

A. sử dụng vũ khí trái phép.

B. thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

C. bảo vệ an ninh quốc gia.

D. nộp thuế đầy đủ theo quy định.

Câu 57: Công dân sử dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. ủy quyền bầu cử.

B. Đăng kí kinh doanh.

C. Giải cứu đồng phạm.

D. Tiêu thụ hàng giả.

Câu 58: Bà N viết bài chia sẻ kinh nghiệm phòng, chống ma túy cho người dân. Bà N đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Sử dụng pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 59: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 60: Công an xã X bắt tạm giữ A để điều tra việc A đánh nhau. Vậy công an xã đang

- A. sử dụng pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 61: Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và nghĩa vụ như nhau, nhưng mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ đó đến đâu phụ thuộc nhiều vào yếu tố nào sau đây của mỗi người?

- A. Khả năng về kinh tế, tài chính.
- B. Khả năng, điều kiện và hoàn cảnh.
- C. Các mối quan hệ xã hội.
- D. Trình độ học vấn cao hay thấp.

Câu 62: Mọi công dân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp là thể hiện bình đẳng về

- A. bốn phạm.
- B. trách nhiệm.
- C. quyền.
- D. nghĩa vụ.

Câu 63: Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

- A. được giảm nhẹ hình phạt.
- B. được đền bù thiệt hại.
- C. bị xử lí nghiêm minh.
- D. bị tước quyền con người.

Câu 64: Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Thay đổi địa bàn cư trú.
- B. Xây dựng nguồn quỹ xã hội.
- C. Đăng kí hồ sơ đầu thầu.
- D. Bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 65: Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật là việc mọi doanh nghiệp đều phải

- A. thực hiện việc san bằng lợi nhuận.
- B. bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- C. chia đều nguồn ngân sách quốc gia.
- D. duy trì mọi phương thức sản xuất.

Câu 66: Công dân dù ở cương vị nào, khi vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định là

- A. công dân bình đẳng về kinh tế.
- B. công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- C. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- D. công dân bình đẳng về chính trị.

Câu 67: Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định mọi công dân đều

- A. bình đẳng về quyền lợi.
- B. bình đẳng trước pháp luật.
- C. bình đẳng trước Nhà nước.
- D. bình đẳng về nghĩa vụ.

Câu 68: Anh A sống độc thân, anh B có mẹ già và con nhỏ. Cả 2 anh làm việc cùng một cơ quan và có cùng một mức thu nhập. Cuối năm anh A phải đóng thuế thu nhập cao hơn anh B. Điều này thể hiện:

- A. Sự không công bằng
- B. Sự bất bình đẳng.
- C. Sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Sự mất cân đối.

Câu 69: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. hòa giải.
- B. điều tra.
- C. liên đới.
- D. pháp lí.

Câu 70: Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật là

- A. bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- B. bình đẳng trước pháp luật.
- C. bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. bình đẳng về quyền con người.

Câu 71: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước

- A. gia đình theo quy định của dòng họ.
- B. tổ chức, đoàn thể theo quy định của Điều lệ.

C. tổ dân phố theo quy định của xã, phường.

D. Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

Câu 72: Mọi người thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định là thể hiện công dân bình đẳng

A. về bốn phạm.

B. trước xã hội.

C. về nghĩa vụ.

D. trước pháp luật.

Câu 73: Ngoài việc bình đẳng về hưởng quyền, công dân còn bình đẳng trong việc thực hiện

A. trách nhiệm.

B. nhu cầu riêng.

C. công việc chung.

D. nghĩa vụ.

Câu 74: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm

A. pháp lý.

B. xã hội.

C. cá nhân.

D. đạo đức.

Câu 75: Việc xét xử các vụ án kinh tế trọng điểm trong năm qua ở nước ta hiện nay không phụ thuộc vào người đó là ai, giữ chức vụ gì, là thể hiện công dân bình đẳng về

A. quyền trong kinh doanh.

B. nghĩa vụ trong kinh doanh.

C. trách nhiệm pháp lý.

D. nghĩa vụ pháp lý.

Câu 76: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là mọi công dân đều

A. hưởng quyền công dân ngang nhau trước Nhà nước và pháp luật.

B. thực hiện nghĩa vụ như nhau trước Nhà nước, các tổ chức xã hội.

C. có quyền và làm nghĩa vụ giống nhau không bị phân biệt đối xử.

D. bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Câu 77: Bất kỳ công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật khi tiến hành kinh doanh đều phải nộp thuế, điều này thể hiện

A. công dân bình đẳng về trách nhiệm.

B. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.

C. công dân bình đẳng về cơ hội.

D. công dân bình đẳng về quyền.

Câu 78: Trường hợp nào dưới đây thể hiện công dân bình đẳng về hưởng quyền?

A. Giữ gìn bí mật quốc gia.

B. Chấp hành quy tắc công cộng.

C. Giữ gìn an ninh trật tự.

D. Tiếp cận các giá trị văn hóa.

Câu 79: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.

B. Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.

C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lý.

D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

Câu 80: Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần và địa vị xã hội là nội dung quyền bình đẳng về

A. trách nhiệm pháp lý.

B. quyền và nghĩa vụ.

C. nghĩa vụ và trách nhiệm.

D. nghĩa vụ pháp lý.